

TỔNG QUAN MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÙNG VEN BIỂN

Lưu Văn Duy*, Đỗ Kim Chung, Lê Thị Thanh Loan

Khoa Kinh tế và Quản lý, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: luuvanduy@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.03.2025

Ngày chấp nhận đăng: 18.04.2025

TÓM TẮT

Bài viết tập trung thảo luận một số vấn đề lý luận về phát triển nông nghiệp vùng ven biển - lĩnh vực then chốt góp phần bảo cải thiện sinh kế, bảo vệ hệ sinh thái và giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tổng quan hệ thống, kết hợp phân tích nội dung và chủ đề các tài liệu khoa học, nhằm làm rõ khái niệm, vai trò, đặc điểm, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển. Tổng quan các nghiên cứu cho thấy, phát triển kinh tế nông nghiệp ở vùng này cần quan tâm đến ưu thế về hệ sinh thái vùng nhằm tạo ra cơ cấu kinh tế phù hợp; lựa chọn các phương thức tổ chức quản lý; sử dụng và khai thác tài nguyên theo hướng tăng cường sự tham gia của cộng đồng, tăng cường năng lực quản lý rủi ro. Phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển đòi hỏi phải đổi mới đầu tư công và dịch vụ công, ưu tiên phát triển hạ tầng, phát triển nuôi biển, đa dạng hoá sinh kế của người dân, gắn sản xuất với chế biến, thị trường, giảm nghèo và áp dụng hiệu quả nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu.

Từ khóa: Vùng ven biển, phát triển, kinh tế nông nghiệp.

Some Issues on Theories of Agricultural Economic Development in Coastal Region - A review

ABSTRACT

The article focuses on discussing several theoretical issues related to coastal agricultural development - a key area contributing to livelihood improvement, ecosystem protection, and the mitigation of negative impacts from climate change. The study employs a systematic literature review method combined with content and thematic analysis of scientific documents to clarify the concepts, roles, characteristics, key components, and factors influencing coastal agricultural economic development. The review of existing studies reveals that agricultural economic development in coastal areas should take advantage of regional ecosystem strengths to form an appropriate economic structure; select optimal production organization models; exploit natural resources sustainably with community participation; and enhance risk management capacity. Promoting agricultural economic development in coastal regions requires innovations in public investment and service provision, prioritization of infrastructure development, expansion of marine aquaculture, diversification of local livelihoods, integration of production with processing and market access, poverty reduction, as well as the effective application of climate-smart agriculture.

Keywords: Coastal region, agricultural economics, development.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển là yêu cầu mang tính chiến lược, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng tài nguyên bản địa và đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng cư dân ven biển. So với công nghiệp hay dịch vụ vốn đòi hỏi nguồn lực lớn về hạ tầng, lao động kỹ thuật và dễ gây tác động tiêu cực đến

môi trường, kinh tế nông nghiệp - đặc biệt là các mô hình nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp thích ứng mặn - có tính khả thi và phù hợp hơn với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đặc thù của khu vực. Hơn nữa, phát triển nông nghiệp vùng ven biển còn góp phần bảo vệ hệ sinh thái, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và củng cố an ninh lương thực quốc gia. (Chu Tiến Quang, 2011). Vấn đề đặt ra là làm thế nào để phát

triển bền vững kinh tế nông nghiệp ven biển? Câu hỏi này đặt ra cho các quốc gia có biển nói chung và các tỉnh ven biển nói riêng. Phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển phụ thuộc nhiều vào đặc điểm tự nhiên của vùng ven biển, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu cũng như việc các nhà hoạch định và thực thi chính sách, cộng đồng cư dân ven biển có vận dụng được chiến lược phát triển bền vững kinh tế nông nghiệp hay không. Hơn nữa, đã có nhiều nghiên cứu về nông nghiệp ven biển như của Dethier & Effenberger (2012), FAO (2025), Hossain & cs. (2020), Nguyễn Hải Hòa & Trần Thị Thanh Tâm (2016), Trần Thị Thúy Vân & cs. (2017), Nguyễn Vũ Việt & Nguyễn Đức Phong (2019)... Tuy nhiên, các nghiên cứu trên chủ yếu tập trung giải quyết các vấn đề kỹ thuật như nuôi trồng thủy sản, nguy cơ tổn thương dưới tác động của biến đổi khí hậu, sinh thái rừng ngập mặn, ngập lụt, ô nhiễm... Nghiên cứu tổng quan lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển còn khá hạn chế. Bài viết này được thực hiện nhằm hệ thống hoá cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển, làm cơ sở cho các nghiên cứu và đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp phát triển bền vững kinh tế nông nghiệp ven biển.

Tác giả sử dụng phương pháp tổng quan hệ thống (systematic review) dựa trên nguồn dữ liệu thứ cấp từ các bài báo khoa học trong cơ sở dữ liệu Google Scholar. Quy trình nghiên cứu được thực hiện thông qua việc tìm kiếm bằng các từ khóa “kinh tế nông nghiệp” hoặc “vùng ven biển”, kết hợp với phương pháp đối chiếu chéo giữa các nghiên cứu. Từ 27 bài báo khoa học đáp ứng các tiêu chí lựa chọn như được đăng trên tạp chí có phản biện, cung cấp thông tin thực nghiệm và lý thuyết nền tảng về kinh tế nông nghiệp vùng ven biển, tác giả đã tổng hợp các trường hợp nghiên cứu điển hình. Phương pháp phân tích chủ yếu dựa trên phương pháp phân tích định tính với các công cụ chính bao gồm: (i) Phân tích so sánh để nhận diện đặc trưng của phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển, (ii) Phân tích nội dung để xác định phân tích ý nghĩa của các thuật ngữ và (iii) Phân tích theo chủ đề nhằm xác định các chủ đề nổi bật từ dữ liệu.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÙNG VEN BIỂN

Để nghiên cứu các vấn đề lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển cần thiết phải làm sáng rõ một số khái niệm liên quan như kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp ven biển, phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển, vai trò, đặc điểm, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển.

2.1. Khái niệm về phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển

Để làm sáng rõ các thuật ngữ trên, trước hết, cần thảo luận các khái niệm nông nghiệp vùng ven biển và kinh tế nông nghiệp vùng ven biển.

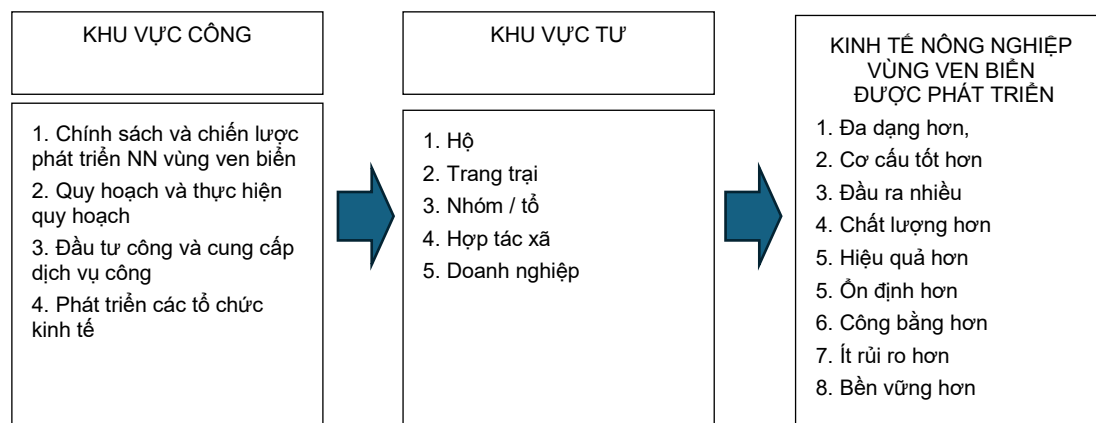
Trước hết là phạm trù nông nghiệp vùng ven biển. Nông nghiệp là ngành sản xuất sử dụng tài nguyên thiên nhiên, đất đai, sinh vật, nguồn nước và các nguồn lực vật chất để tạo ra sản phẩm cho con người (Đỗ Kim Chung, 2021; Dethier & Effenberger, 2012; Apine & cs., 2023). Nông nghiệp vùng ven biển là ngành sản xuất sử dụng hệ sinh thái vùng ven biển để sản xuất ra các sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Ở đây, cần thấy rõ hai đặc trưng vùng ven biển. Một là, khu vực mà sinh kế của cư dân ở đó phụ thuộc nhiều vào biển và các nguồn tài nguyên biển. Hai là, vùng ven biển là khu vực tiếp giáp giữa đất liền và biển, có sự tương tác trực tiếp giữa các yếu tố địa lý, kinh tế và môi trường (Chính phủ, 2016). Như vậy, trên phương diện triển khai và thực thi chính sách, vùng ven biển được hiểu là những vùng bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển và một phần biển, nơi có sự ảnh hưởng của hoạt động con người và hệ sinh thái ven biển. Nông nghiệp vùng ven biển là hoạt động kinh tế dựa trên sử dụng hệ sinh thái nước lợ và nước mặn. Vì thế, nông nghiệp vùng ven biển có những hoạt động kinh tế đặc trưng, liên quan đến sử dụng hệ sinh thái nước lợ, nước mặn, rừng ngập mặn (ruộng muối, bãi bồi, đồng cỏ biển, rừng ngập mặn, hệ thống bãi triều đá và các rạn san hô ngầm, ngoài ra còn có hệ sinh thái ngoài khơi gồm đại dương, nước biển bề mặt, biển sâu, đại dương và đáy biển).

Phạm trù thứ hai là phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển. Trước hết cần thảo luận các khái niệm kinh tế, kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp ven biển. Kinh tế hoạt động liên quan đến việc sử dụng các nguồn lực khan hiếm để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người, liên quan đến: (a) việc ra quyết định sử dụng những nguồn lực có hạn; (b) thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của con người và (c) tính đến hành vi của con người để sử dụng những nguồn lực hiện có (Samuelson & Nordhaus, 2010). Kinh tế nông nghiệp là hoạt động kinh tế liên quan đến lựa chọn và phân bổ, sử dụng nguồn lực (đất đai, lao động, tài nguyên sinh vật, vốn và công nghệ...) để đáp ứng nhu cầu của con người, đồng thời đảm bảo tính bền vững của hệ sinh thái và cộng đồng nông thôn (Tweeten, 1989). Từ đây, chúng ta đi đến khái niệm kinh tế nông nghiệp ven biển. Kinh tế nông nghiệp vùng ven biển được hiểu là hoạt động kinh tế gắn liền quá trình lựa chọn, phân bổ, sử dụng và quản lý một cách tối ưu về nguồn lực tự nhiên (các hệ sinh thái nước lợ và nước mặn), nhân lực, tài chính và công nghệ để đáp ứng nhu cầu của xã hội, đảm bảo phát triển vùng ven biển một cách bền vững. Kinh tế nông nghiệp vùng ven biển bao gồm các hoạt động kinh tế như nuôi trồng, quản lý và khai thác các vùng đất nước lợ, nước mặn, phát triển trồng trọt, trồng rừng, chăn nuôi, khai thác, đánh bắt, diêm nghiệp và chế biến nông lâm, thủy hải sản với kinh tế - sinh thái ven biển (Chu Tiến Quang, 2011; Phạm Thị Thanh Thuý & Đỗ Kim Chung, 2022). Phát triển kinh tế nông nghiệp là quá trình cải thiện và nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nông nghiệp ở giai đoạn này so với giai đoạn trước đó, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội, cải thiện thu nhập và đời sống của người dân nông thôn, giữ gìn và bảo môi trường và tài nguyên thiên nhiên (Dethier & Effenberger, 2012; Đỗ Kim Chung, 2021). Theo cách tiếp cận của khoa học “Kinh tế nông nghiệp” thì phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển được hiểu là quá trình đổi mới việc ra quyết định phân bổ và sử dụng nguồn lực của hệ kinh tế - sinh thái vùng ven biển để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả sử dụng tài nguyên vùng ven biển. Vấn đề này đòi

hỏi sự kết hợp giữa các giải pháp kinh tế, quản lý và kỹ thuật thích ứng với môi trường nước lợ, nước mặn, biện pháp bảo vệ môi trường và chính sách hỗ trợ từ Nhà nước, ứng phó với biến đổi khí hậu và tác động của nước biển dâng nhằm đảm bảo sự bền vững và an toàn cho sinh kế của cộng đồng ven biển (Chu Tiến Quang, 2011; FAO, 2025). Với cách nhìn trên, theo cách tiếp cận khoa học “Chính sách công” thì sự phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển phụ thuộc vào hai khu vực công và tư. Phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển là sự đổi mới tác động vào khu vực công bao gồm sự hoàn thiện về: chiến lược và chính sách phát triển trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản, khai thác, đánh bắt, chế biến và tiêu thụ, hoàn cải tiến quy hoạch và thực hiện quy hoạch, đổi mới đầu tư công và cung cấp dịch vụ công, phát triển các tổ chức kinh tế (hộ, trang trại, doanh nghiệp và hợp tác xã, mô hình cộng đồng tự quản bãi triều, bãi bồi ở vùng ven biển) để khu vực tư phát triển đạt được nhiều đầu ra hơn, hiệu quả và bền vững hơn (Đỗ Kim Chung, 2018; 2021).

2.2. Đặc điểm và vấn đề cần lưu ý cho phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển

Để phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển, cần thiết phải nhận thức được các đặc điểm cơ bản của kinh tế nông nghiệp vùng ven biển. Vùng kinh tế sinh thái nông nghiệp ven biển có những đặc điểm riêng mà các vùng sâu trong đất liền không có được, với những cơ hội và thách thức lớn. Các nghiên cứu đều tập trung giải quyết vấn đề khác nhau của nông nghiệp ven biển (Chu Tiến Quang, 2011; Nguyễn Hải Hòa & Trần Thị Thanh Tâm, 2016; Trần Thị Thúy Vân & cs., 2017; Hossain & cs., 2020). Tuy nhiên, ít có nghiên cứu hệ thống hoá một cách có hệ thống về đặc điểm kinh tế nông nghiệp ven biển. Dựa trên kết quả của các tác giả đã nêu ở trên, các nghiên cứu khác liên quan và nghiên cứu của Anurudh (2025), Phạm Cao Cường (2023), Phạm Thị Thanh Thuý & Đỗ Kim Chung (2022), Phạm Hải Bửu & cs. (2010), có thể thấy kinh tế nông nghiệp vùng ven biển thể hiện sáu đặc điểm chính.



Hình 1. Chuỗi tác động trong phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển

Thứ nhất, kinh tế nông nghiệp vùng ven biển *đa dạng về tài nguyên thiên nhiên*. Trong khi các vùng sâu trong đất liền, tài nguyên thiên nhiên chỉ bao gồm hệ sinh thái nước ngọt thì ở kinh tế nông nghiệp vùng ven biển bao gồm cả hệ sinh thái nước lợ, nước mặn và hệ sinh thái biển (Phạm Thị Thanh Thúy & Đỗ Kim Chung, 2022). Hệ sinh thái này cho phép kinh tế nông nghiệp tập trung vào khai thác, đánh bắt và cả nuôi trồng ở môi trường nước ngọt, lợ, mặn, cả ở gần bờ (bãi bồi, bãi triều...) và hệ sinh thái xa bờ. Hệ sinh thái ngập mặn rất giàu tài nguyên thủy sản, các loài động vật, thực vật và rất nhiều loài quý hiếm (Nguyễn Hải Hòa & Trần Thị Thanh Tâm, 2016). Điều này đòi hỏi việc phát triển kinh tế nông nghiệp *phải tính đầy đủ các loại nguồn lực, xác định rõ ưu thế của từng loại nguồn lực để ra quyết định phân bổ và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực*.

Thứ hai, kinh tế nông nghiệp vùng ven biển *đa dạng về cơ cấu kinh tế và sinh kế*. Hệ kinh tế sinh thái vùng ven biển không những có tiềm năng cho các hoạt động sản xuất như trồng trọt, nuôi trồng mà còn có tiềm năng cho phát triển các ngành kinh tế khác như làm muối, chế biến (chế biến hải sản, nước mắm...), phát triển du lịch sinh thái ở các vùng rừng ngập mặn, các vườn quốc gia và khu bảo tồn (Phạm Hải Bửu & cs., 2010). Mặt khác, ở một số nơi, điều kiện dòng chảy và cấu trúc địa hình có thể cho phép phát triển các cảng biển để giao lưu hàng hoá với các địa phương khác và nước khác. Cũng do tính đa dạng về hệ sinh thái ven biển mà tạo ra sự đa dạng về sinh kế của người dân: trồng rừng kết

hợp với nuôi thủy sản và khai thác, đánh bắt thủy sản, làm thuê (Trần Thọ Đạt & Nguyễn Hoài Thu, 2012). Do vậy, *phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển cần tính đến các đặc điểm này để tạo ra một cơ cấu kinh tế phù hợp bao gồm cả sản xuất và chế biến, gắn sản xuất với dịch vụ, nhất là du lịch và thương mại*.

Thứ ba, hoạt động kinh tế nông nghiệp vùng ven biển *dựa trên các tài nguyên phần lớn là tài nguyên dùng chung*. Vùng ven biển thường đặc trưng bởi tài nguyên dùng chung như bãi bồi, bãi triều và rừng ngập mặn. Người sử dụng không hoặc ít phải trả phí cho việc sử dụng tài nguyên đó. Do vậy, thường có mâu thuẫn trong quản lý và sử dụng các tài nguyên trên (Hossain & cs., 2020). Do vậy, phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển *cần tính đến đặc điểm này, phải lựa chọn và xác lập các phương thức tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác thích hợp theo hướng tăng cường sự tham gia, dựa vào cộng đồng để đảm bảo tài nguyên được khai thác đầy đủ, công bằng, hiệu quả và bền vững*.

Thứ tư, kinh tế nông nghiệp ven biển *thường đối mặt với các rủi ro và thách thức lớn như biến đổi khí hậu, bão gió, sóng thần, nước biển dâng và xâm nhập mặn*. Các rủi ro này có thể xảy ra và đe dọa tới kinh tế, đời sống của cư dân vùng ven biển (Chu Tiến Quang, 2011). Do vậy, *cần tính đến các yếu tố này trong phát triển kinh tế nông nghiệp bằng cách đổi mới đầu tư công và dịch vụ công, phát triển cộng đồng để tăng cường năng lực ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do rủi ro gây ra như phát triển đê biển, trồng và bảo tồn rừng ngập mặn, hệ sinh thái*

nước lợ, tăng cường hạ tầng nông nghiệp và khả năng ứng phó của người dân ở các vùng này.

Thứ năm, vùng ven biển nhất là ở các vùng bãi ngang vẫn còn khó khăn về cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông, đê kè, chịu nhiều rủi ro về thiên tai và thị trường. Do đó, tỷ lệ hộ nghèo ở các vùng bãi ngang ven biển thường cao hơn so với vùng xa biển (Alam & Yousuf, 2024). Vì vậy, phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển cần tập trung chú ý tạo điều kiện và cơ hội để cho cộng đồng cư dân vùng bãi ngang, vùng nghèo vươn lên xoá đói, giảm nghèo.

Thứ sáu, vùng ven biển có mật độ dân cư cao hơn so với các vùng khác. Khu vực ven biển chỉ chiếm 5% bề mặt trái đất nhưng lại chứa 17% dân số thế giới sống ở những khu vực có độ cao dưới 10m so với mực nước biển. Khoảng hai phần ba dân số thế giới sống trong phạm vi 100km, tính từ bờ biển (Hossain & cs., 2020). Là vùng đông dân cư và chịu nhiều rủi ro, nên tỷ lệ nghèo ở vùng ven biển, nhất là vùng bãi ngang thường cao. Do vậy, phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển phải chú trọng tạo việc làm sinh kế và giảm nghèo đói ở khu vực này.

2.3. Nội dung nghiên cứu kinh tế nông nghiệp vùng ven biển

Để phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển cần nắm vững các vấn đề cơ bản khi nghiên cứu kinh tế nông nghiệp vùng ven biển, phải trả lời cho được các câu hỏi sau: thực trạng kinh tế nông nghiệp vùng ven biển đượ phát triển như thế nào? Trước hết cần xây dựng khung lý thuyết để trả lời câu hỏi này. Dựa trên nội hàm phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển và nội dung ở hình 1 và cơ sở lý thuyết về phát triển nông nghiệp do Đỗ Kim Chung (2021) đề xuất, để đánh giá thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển, cần tập trung vào các vấn đề sau:

Thứ nhất, cần rà soát chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp vùng ven biển. Đây là yêu cầu cấp thiết vì các chính sách hiện hành có thể chưa theo kịp sự thay đổi về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và sự phù hợp với bối cảnh biến đổi khí hậu và yêu cầu phát triển bền

vững. Việc rà soát giúp phát hiện những điểm bất cập, chồng chéo, từ đó điều chỉnh và xây dựng các giải pháp phù hợp, hiệu quả hơn. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để khai thác tối ưu tiềm năng của vùng ven biển, nâng cao sinh kế và thích ứng với rủi ro thiên tai. Vì thế, khi nghiên cứu cần thu thập thông tin về chính sách để có căn cứ đánh giá các nội dung phát triển kinh tế nông nghiệp tiếp theo.

Thứ hai, cần đánh giá thực trạng công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch về nông nghiệp vùng ven biển. Công tác quy hoạch thể hiện cách nhìn nhận, phân bổ và bố trí tổng thể nguồn lực cho phát triển nông nghiệp ven biển. Chỉ có trên cơ sở quy hoạch mới thực hiện các giải pháp và hoạt động bố trí sản xuất, đầu tư công và cung cấp dịch vụ công cho nông nghiệp (Đỗ Kim Chung, 2021). Công tác quy hoạch bao gồm định hướng sử dụng nguồn lực cho lĩnh vực nông nghiệp ven biển như hình thành các khu vực nuôi, trồng thuỷ hải sản nước lợ, nước mặn, diêm nghiệp, phát triển đai rừng phòng hộ, phát triển và bảo tồn rừng ngập mặn, cơ sở sản xuất và chế biến thuỷ hải sản. Trên cơ sở đó, phát triển cơ sở hạ tầng, đê biển, đê bao, nhất là các vùng bãi ngang và cung cấp dịch vụ công cần thiết để phát triển nông nghiệp ven biển. Công tác quy hoạch cần được xem xét trước tiên khi nghiên cứu sự phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển. *Trong nghiên cứu, xem xét về công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp ven biển, cần đánh giá tính phù hợp cả trong ngắn hạn và dài hạn của quy hoạch, phát hiện những bất cập và đề xuất cải thiện công tác quy hoạch nông nghiệp vùng ven biển.*

Thứ ba, đánh giá thực trạng đầu tư công và cung cấp dịch vụ công cho phát triển nông nghiệp ven biển. Đánh giá thực trạng đầu tư công và cung cấp dịch vụ công cho phát triển nông nghiệp vùng ven biển là bước quan trọng nhằm xác định hiệu quả, tính công bằng và mức độ đáp ứng nhu cầu thực tiễn của khu vực này. Thông qua đánh giá, cơ quan quản lý có thể nhận diện những hạn chế trong phân bổ nguồn lực, chất lượng dịch vụ, cũng như khả năng tiếp cận của người dân. Đây là cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất điều chỉnh chính sách, tối ưu hóa nguồn lực đầu tư công, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp

bền vững và nâng cao đời sống cư dân ven biển. Trên cơ sở quy hoạch nông nghiệp, cần xem xét nguồn lực của khu vực công như ngân sách nhà nước các cấp (trung ương, tỉnh, huyện và xã) cũng như nguồn lực khác của cộng đồng cư dân đã được đầu tư cho phát triển nông nghiệp (Đỗ Kim Chung, 2021). Đầu tư công sẽ được xem xét trong các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng như đê biển, đê quai, trồng và bảo vệ rừng ngập mặn, cơ sở hạ tầng ở các vùng bãi ngang, công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng, tưới tiêu, các cơ sở hậu cần của nghề cá phục vụ đánh bắt và cảng cá. Mặt khác, tùy theo đặc điểm kinh tế sinh thái nông nghiệp ở mỗi vùng ven biển, cần xem xét đầu tư công cho các lĩnh vực dịch vụ công như khuyến nông, khuyến lâm khuyến ngư, phát triển chế biến, thương mại và dịch vụ như du lịch sinh thái.

Thứ tư, đánh giá sự phát triển của các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp ven biển. Sự phát triển kinh tế hộ, trang trại, doanh nghiệp và hợp tác xã ở vùng ven biển thể hiện tác động của công tác quy hoạch và đầu tư công cho phát triển nông nghiệp ven biển như đã thảo luận ở trên. Do đó, cần đánh giá sự phát triển của các tổ chức kinh tế này theo khung thời gian xác định như sự biến động, đặc điểm, cách thức sử dụng nguồn lực, sự tham gia vào chuỗi giá trị của các hộ, trang trại, doanh nghiệp và hợp tác xã. Các tổ chức kinh tế này cần được xem xét và phân tích theo các ngành trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản, quản lý, khai thác và đánh bắt (rừng ngập mặn, bãi bồi, bãi triều, đánh bắt gần bờ và xa bờ), làm muối, chế biến thủy hải sản, cung cấp dịch vụ và thương mại (Trần Thị Thúy Vân & cs., 2017). Bên cạnh việc đánh giá sự phát triển của các tổ chức kinh tế trên, cần xem xét phương thức quản lý tài nguyên ven biển (bãi triều, rừng ngập mặn...) dựa vào cộng đồng để quản lý và khai thác các tài nguyên dùng chung. Cần đánh giá sự tiếp cận tới đầu tư công, dịch vụ công và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức kinh tế, tìm ra điểm mạnh và bất cập, làm cơ sở đề xuất giải pháp phát triển các tổ chức kinh tế này.

Thứ năm, đánh giá kết quả phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển. Đây là nội dung trọng yếu bởi nó phản ánh tác động tổng hợp và qua lại của chính sách, công tác quy hoạch, đầu

tư công và cung cấp dịch vụ công, phát triển các tổ chức kinh tế. Dựa trên hình 1, kết quả phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển cần được xem xét ở sự thay đổi của giai đoạn hiện nay so với giai đoạn trước về tính đa dạng của cơ cấu kinh tế; sự thay đổi về chất lượng và số lượng đầu ra; sự ổn định và công bằng về phân phối và thu nhập; mức độ giảm thiểu rủi ro và phát triển bền vững. Vì thế, cần xem xét cụ thể các nội dung sau: (i) *Cơ cấu các ngành* trong nông nghiệp vùng ven biển tính theo giá trị sản xuất, giá trị sản phẩm hàng hoá, nguồn lực sử dụng giữa các ngành (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, dịch vụ và chế biến), *cơ cấu giữa các nhóm sản phẩm* (trồng trọt, thủy sản, khai thác, đánh bắt, nghề muối, chế biến, khai thác bãi bồi, bãi triều, rừng ngập mặn), *cơ cấu giữa các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp* (doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ nông dân...); (ii) *Mức cải thiện về năng suất nông nghiệp* (năng suất cây trồng, vật nuôi, khai thác và đánh bắt...); (iii) *Sự gia tăng về giá trị sản xuất của nông nghiệp ven biển*; (iv) *Đóng góp của nông nghiệp về việc làm, thu nhập của cư dân ven biển*; (v) *Sự thích ứng của nông nghiệp ven biển với hoàn cảnh mới* trước biến động thị trường và thiên tai và các rủi ro của biến đổi khí hậu (bão biển, sóng thần, xâm nhập mặn); (vi) *Mức độ cải thiện về sự tham gia của người dân trong quản lý và sử dụng nguồn lực tài nguyên ven biển* như bãi bồi, bãi triều, rừng ngập mặn. Cần sử dụng cả số liệu thứ cấp và sơ cấp để xác định đầy đủ các chỉ tiêu thể hiện kết quả phát triển nông nghiệp ven biển nói trên.

2.4. Yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển

Phát triển kinh tế nông nghiệp nói chung chịu ảnh hưởng và tác động của các yếu tố kinh tế, tự nhiên, xã hội khác nhau (Đỗ Kim Chung, 2021). Dựa trên khung lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế nông nghiệp nói chung và kết quả nghiên cứu về kinh tế nông nghiệp vùng ven biển, có thể thấy rằng: sự phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển chịu sự tác động qua lại và tổng hợp của các yếu tố sau đây:

Thứ nhất, *năng lực của cơ quan quản lý nhà nước ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế*

nông nghiệp ở vùng ven biển. Vì phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển là quá trình đổi mới việc ra quyết định phân bổ và sử dụng nguồn lực, chiến lược và chính sách phát triển nông nghiệp, hoàn thiện và thực hiện quy hoạch, đổi mới đầu tư công, cung cấp các dịch vụ công, phát triển các tổ chức kinh tế ở vùng ven biển (Đỗ Thị Diệp & Nguyễn Văn Song, 2016). Để hoàn thành những nội dung đó, năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước đóng vai trò quyết định. Năng lực này bao gồm năng lực về nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, tài chính và thể chế. Trong đó, nhân lực giữ vai trò then chốt. *Năng lực về nhân lực* bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ của các công chức và viên chức thực hiện các hoạt động quản lý nông nghiệp và lĩnh vực liên quan. Sự phù hợp về kiến thức, kỹ năng của công chức và viên chức, cán bộ lãnh đạo các cấp với chuyên môn sẽ quyết định đến kết quả và hiệu quả các biện pháp phát triển kinh tế nông nghiệp đã nêu ở trên (Trần Thọ Đạt & Nguyễn Hoài Thu, 2012). Mặt khác, *năng lực về cơ sở vật chất kỹ thuật và tài chính* của cơ quan quản lý nông nghiệp bao gồm các trang thiết bị, đặc biệt là hệ thống thông tin, hạ tầng số sẽ tạo điều kiện giúp hoàn thành hiệu quả các nội dung phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển. Hơn nữa, *năng lực thể chế* là các quy định, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong tổ chức bộ máy quản lý nhà nước của chính quyền các cấp góp phần phát huy hiệu lực và hiệu quả của năng lực về nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật, tài chính. Do vậy, khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế nông nghiệp cần xem xét đầy đủ năng lực nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật, tài chính và năng lực tài chính của cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển (Alam & Yousuf, 2024).

Thứ hai, *sự phối hợp của các bên liên quan đến phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển*. Phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển bao gồm đổi mới và thực hiện quy hoạch, hoàn thiện đầu tư công, cung cấp các dịch vụ công, phát triển các tổ chức kinh tế ở vùng ven biển. Việc này đòi hỏi có sự phối hợp nhịp nhàng của các bên liên quan bao gồm cơ quan quản lý

của các cấp chính quyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị - xã hội ở các địa phương có biển. Sự phối hợp của các ngành giao thông, phát triển hạ tầng, thủy lợi, nông nghiệp, công thương, các cơ quan liên quan của hệ thống chính trị - xã hội sẽ làm tăng hiệu lực và hiệu quả thực hiện quy hoạch nông nghiệp, đầu tư công và cung cấp dịch vụ công cho phát triển nông nghiệp vùng ven biển (Hasan & cs., 2018; Islam & Farjana, 2024). Do vậy, cần xem xét sự phối hợp, kết hợp giữa các bên liên quan trên trong phân bổ, sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách và tài nguyên thiên nhiên tạo đà cho phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển.

Thứ ba, *yếu tố thị trường đóng vai trò then chốt trong phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển*. Các sản phẩm kinh tế nông nghiệp vùng ven biển phần lớn là các sản phẩm hàng hoá tươi sống và đa dạng, đòi hỏi được chế biến, bảo quản và tiêu dùng ở cả trong nước và xuất khẩu. Do vậy, để phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển, cần nắm bắt nhu cầu thị trường và kết nối chặt chẽ với thị trường, tạo ra chuỗi giá trị hiệu quả từ khâu sản xuất, thu gom, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ và tiêu dùng. Việc kiến tạo và duy trì chuỗi giá trị hiệu quả, gắn với việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm nông lâm, thủy hải sản sẽ tạo điều kiện tiếp cận tốt hơn tới thị trường. Cần chú ý cả thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu. Cần thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Doanh nghiệp này sẽ đóng vai trò chủ chuỗi để kiến tạo và thúc đẩy kết nối thị trường.

Thứ tư, *sự tham gia của người dân cũng là yếu tố ảnh hưởng lớn phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển*. Cộng đồng cư dân ven biển tham gia vào công tác quy hoạch, đóng góp nguồn lực vào xây dựng hệ thống giao thông thủy lợi, nhận khoán rừng, tham gia các mô hình cộng đồng tự quản trong quản lý và khai thác bãi triều, bãi bồi, rừng ngập mặn và các hoạt động khuyến nông có tác động lớn đến phát triển nông nghiệp ven biển (Nguyễn Thị Lan Hương & cs., 2021). Do vậy, cần xem xét cách thức, phương thức để người dân tham gia trong phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển.

Thứ năm *điều kiện tự nhiên, xã hội cũng là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển* (Hoàng Hồng Hiệp, 2022). Điều kiện tự nhiên ven biển, trước tiên là chế độ triều và nước đã tạo ra các hệ sinh thái nước lợ, mặn, các vùng bãi ngang, vùng triều, bãi bồi, rừng ngập mặn. Tính đa dạng về hệ sinh thái trên quy định sự đa dạng về cơ cấu kinh tế nông nghiệp ven biển gồm cả trồng trọt, chăn nuôi, khai thác, đánh bắt và chế biến, cả sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và hải sản. Mặt khác, cũng do các điều kiện tự nhiên như sự xâm thực bờ biển, chế độ gió và sóng biển làm cho các vùng ven biển thường chịu những bất ổn và rủi ro. Vì thế, các vùng sát biển như bãi ngang, bãi triều thường là những vùng chịu nhiều rủi ro. Do vậy, cần xem xét đầy đủ các yếu tố tự nhiên như chế độ nước triều, thực vật, động vật sự xâm thực bờ biển để có các phương án bố trí sử dụng hợp lý và tránh những rủi ro do thiên tai gây ra.

3. KẾT LUẬN

Vùng ven biển có vị trí kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường quan trọng. Tất cả các quốc gia có biển đều tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển (WB, 2020). Phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển là sự đổi mới tác động vào khu vực công bao gồm sự hoàn thiện về chiến lược và chính sách phát triển nông nghiệp ven biển, cải tiến thực hiện quy hoạch, đổi mới đầu tư công và cung cấp dịch vụ công, phát triển các tổ chức kinh tế để khu vực tư phát triển đạt được nhiều đầu ra hơn, hiệu quả và bền vững hơn.

Phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển cần phải: tính đầy đủ và ưu thế của các loại nguồn lực hệ sinh thái nước lợ, nước mặn và hệ sinh thái biển. Vì vậy, chính quyền địa phương cần chú ý tính đa dạng về sinh kế để tạo ra cơ cấu kinh tế phù hợp. Các tác nhân sản xuất kinh doanh cần lựa chọn và xác lập phương thức tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác tài theo hướng tăng cường sự tham gia của cộng đồng. Nhà nước cần tăng cường khả năng đối phó và quản lý rủi ro như phát triển hạ tầng, trồng và

bảo tồn rừng ngập mặn, tăng cường khả năng ứng phó của người dân và tập trung chú ý tạo điều kiện và cơ hội để cho cộng đồng cư dân vùng bãi ngang, vùng nghèo vươn lên xoá đói, giảm nghèo.

Để đánh giá thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển, cần tập trung vào: xem xét chiến lược và chính sách phát triển nông nghiệp, thực trạng quy hoạch và thực hiện quy hoạch, tình hình đầu tư công và cung cấp dịch vụ công cho sản xuất, chế biến, nông lâm thủy hải sản, khai thác và đánh bắt, phát triển cơ sở hạ tầng, trồng và bảo vệ rừng ngập mặn, đánh giá giải pháp phát triển của các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp và kết quả phát triển kinh tế nông nghiệp ven biển. Mặt khác, cần phải tính đến năng lực của cơ quan quản lý nhà nước, sự phối hợp của các bên liên quan, yếu tố thị trường trong nước và quốc tế, sự tham gia của người dân và điều kiện tự nhiên, xã hội của mỗi vùng là những yếu tố chi phối sự phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alam M.S. & Yousuf A. (2024). Fishermen's community livelihood and socio-economic constraints in coastal areas: An exploratory analysis. *Environmental Challenges*. 14(September 2023): 100810. doi.org/10.1016/j.envc.2023.100810.
- American Economic Association (2025). What is economic? Retrieved from <https://www.aeaweb.org/resources/students/what-is-economics> on Feb 25, 2025.
- Apine E., Ramappa P., Bhatta R., Turner L.M. & Rodwell L.D. (2023). Challenges and opportunities in achieving sustainable mud crab aquaculture in tropical coastal regions. *Ocean and Coastal Management*. 242(August 2022): 106711. <https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2023.106711>.
- Chính phủ (2016). Nghị định số 40/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Truy cập từ <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=185148> ngày 25/2/2025.
- Chu Tiến Quang (2011). Về phát triển nông nghiệp các vùng ven biển. *Tạp chí Cộng sản*. Truy cập từ: <https://tapchicongsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/2596/ve-phat-trien-nong-nghiep-cac-vung-ven-bien.aspx> ngày 24/2/2025.
- Dethier J.J. & Effenberger A. (2012). Agriculture and development: A brief review of the literature.

- Economic Systems. 36(2): 175-205. <https://doi.org/10.1016/j.ecosys.2011.09.003>
- Đỗ Kim Chung (2018). Giáo trình Chính sách công, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. tr. 9-10.
- Đỗ Kim Chung (2021). Giáo trình Kinh tế nông nghiệp. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp. tr. 10-11; 147-149.
- Đỗ Thị Diệp & Nguyễn Văn Song (2016). Chiến lược sinh kế ứng phó biến đổi khí hậu vùng ven biển: Lý luận và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 229(II): 2-10.
- FAO (2025). Integration of agriculture into coastal area management. Retrieved from <https://www.fao.org/4/w8440e/W8440e07.htm> on Mar 4, 2025.
- Hasan M.K., Desiere S., D'Haese M. & Kumar L. (2018). Impact of climate-smart agriculture adoption on the food security of coastal farmers in Bangladesh. Food Security. 10(4): 1073-1088. doi.org/10.1007/s12571-018-0824-1.
- Hoàng Hồng Hiệp (2022). Phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản tỉnh Hà Tĩnh. Tạp chí Phát triển bền vững Vùng. 12(1): 112-123.
- Hoàng Ngọc Khắc, Trịnh Quang Tú & Trần Văn Tam (2020). Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá các hệ thống nuôi trồng thủy sản ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu cho vùng ven biển Bắc Bộ - Bắc Trung Bộ. Tạp chí Khí tượng Thủy văn. 716(2): 51-62. doi.org/10.36335/VNJHM.2020(716).
- Hossain M.S., Gain A.K. & Rogers K.G. (2020). Sustainable coastal social-ecological systems: how do we define "coastal"? International Journal of Sustainable Development and World Ecology. 27(7): 577-582. doi.org/10.1080/13504509.2020.1789775
- Nguyễn Hải Hòa & Trần Thị Thanh Tâm (2016). Đánh giá nguy cơ tổn thương vùng ven biển dưới tác động của biến đổi khí hậu tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp. 4: 4710-4722.
- Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Mộng Cầm & Đinh Trần Ngọc Huyền (2024). Kinh nghiệm phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững trong bối cảnh cách mạng 4.0 thích ứng biến đổi khí hậu và bài học kinh nghiệm với Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển, Trường Đại Học Nam Cần Thơ. 26: 98-108.
- Nguyễn Thị Lan Hương, Lê Quỳnh Chi & Trần Thị Mỹ Linh (2021). Chuyển đổi mô hình và mở rộng sinh kế gắn với phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống ven biển Việt Nam. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Hà Nội. 82: 3-5.
- Nguyễn Vũ Việt & Nguyễn Đức Phong (2019). Nghiên cứu đánh giá diễn biến chất lượng nước và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước mặt các sông chính vùng ven biển đồng bằng Sông Hồng. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường. 65(6): 74-81.
- Panja A., Garai S., Maiti S., Bhattacharjee S., Zade S., Veldandi A., Sahani S., Dutta S., Reddy A.K. & Sankhala G. (2024). Climate adaptation in agricultural sector of coastal India: a comprehensive exploration of adaptation strategies. Mitig Adapt Strateg Glob Change. 29(92). doi.org/10.1007/s11027-024-10188-4.
- Phạm Cao Cường (2023). Chính sách phát triển kinh tế biển xanh của Ấn Độ. Tạp chí Khoa học Môi trường. 4(125): 1-12.
- Phạm Hải Bửu, Võ Thanh Dũng & Cao Quốc Nam (2010). Các giải pháp cải thiện sinh kế nông hộ trên lâm phần vùng ven biển Cà Mau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 16a: 265-275.
- Phạm Thị Thanh Thuý & Đỗ Kim Chung (2022). Giải pháp kinh tế cho bảo tồn và phát triển rừng ngập mặn: Một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn. Tạp chí Kinh tế và Phát triển. 305(2): 49-58.
- Samuelson P.A. & Nordhaus W.D. (2010). Economics (19th ed.). McGraw-Hill Education.
- Trần Thị Thúy Vân, Lưu Thế Anh, Hoàng Lưu Thu Thủy & Lê Bá Biên (2017). Sinh khí hậu và phát triển rừng ngập mặn ven biển tỉnh Thái Bình. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội. 1: 90-99.
- Trần Thọ Đạt & Nguyễn Hoài Thu (2012). Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển. Diễn đàn phát triển Việt Nam. Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.
- Tweeten L. (1989). Agricultural Economics. West Publishing Company.
- WB (2020). Resilient Shores: Vietnam's Coastal Development between Opportunity and Disaster Risk. Washington, DC: World Bank.